

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC MẦM NON NĂM HỌC 2025-2026**ĐỘ TUỔI: 5 TUỔI GHÉP (GHÉP 2 ĐỘ TUỔI)**

(Ban hành theo Quyết định số 188 /QĐ-MNQĐ ngày 29 tháng 8 năm 2025 về việc Ban hành Kế hoạch Giáo dục mầm non năm học 2025-2026 của trường Mầm non Quảng Đức)

I. MỤC TIÊU, NỘI DUNG NUÔI DƯỠNG VÀ CHĂM SÓC SỨC KHỎE

MÃ HÓA MT	MỤC TIÊU	NỘI DUNG
Tổ chức ăn		
1	Trẻ được ăn theo chế độ, khẩu phần, số lượng bữa ăn phù hợp với độ tuổi; ăn đúng thực đơn.	- Trẻ ăn chế độ ăn : Cơm thường + Nhu cầu khuyến nghị năng lượng/ngày/trẻ: 1230-1320 Kcal. + Nhu cầu khuyến nghị về năng lượng tại trường của trẻ/ngày: (chiếm 50-55% nhu cầu cả ngày:) 615 - 726 Kcal. - Số bữa ăn tại trường của trẻ: 1 bữa chính và 1 bữa phụ. Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng theo cơ cấu: Chất đạm (13%-20%), chất béo (25%-35%), chất bột (52%-62%), - Xây dựng thực đơn hàng ngày, hàng tuần theo mùa phù hợp với địa phương.
2	Trẻ ăn ngon miệng, hết xuất.	- Rèn thói quen ăn hết xuất - Tổ chức bữa ăn dưới các hình thức khác nhau
3	Trẻ được uống đủ nước trong ngày theo quy định	- Rèn thói quen uống nước hàng ngày: khoảng 1,6 - 2,0 lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn). - Nước uống phù hợp theo mùa.

Tổ chức ngủ		
4	Trẻ được ngủ đủ một giấc buổi trưa (khoảng 150 phút)	- Tổ chức giờ ngủ cho trẻ đảm bảo: Đồ dùng, không gian, giờ ngủ, tư thế ngủ...
Vệ sinh		
5	Trẻ được chăm sóc vệ sinh cá nhân	- Tạo một số thói quen vệ sinh cá nhân cho trẻ: - Sử dụng đồ dùng có kí hiệu riêng (khăn mặt, cốc, tủ cá nhân) và được vệ sinh hàng ngày.
6	Môi trường cho trẻ đảm bảo vệ sinh.	- Tổ chức vệ sinh lớp học, đồ dùng đồ chơi, vệ sinh ngoài sân trường - Giữ sạch nguồn nước sinh hoạt và xử lí rác, nước thải.
Chăm sóc sức khỏe và an toàn		
7	Trẻ được chăm sóc và theo dõi sức khỏe định kì.	- Khám sức khỏe định kỳ 2 lần/năm - Cân đo định kì cho trẻ 3 tháng/ lần.Theo dõi, đánh giá sự phát triển của cân nặng và chiều cao theo lứa tuổi. - Cân đo trẻ SDD, TC hàng tháng - Phối hợp với phụ huynh phòng chống suy dinh dưỡng, béo phì
8	Trẻ được đảm bảo an toàn khi ở trường, lớp	- Đảm bảo an toàn tuyệt đối về thể chất và tinh thần cho trẻ - Rà soát và loại bỏ các yếu tố gây mất an toàn ở lớp, trường - Phòng tránh một số tai nạn thường gặp
9	Trẻ được phòng tránh các bệnh thường gặp, theo dõi tiêm chủng	- Thực hiện phòng chống các dịch bệnh thường gặp (cúm, thủy đậu, đau mắt đỏ...), dịch bệnh covid-19 - Phối hợp với phụ huynh theo dõi tiêm chủng của trẻ, uống vacxin

II. MỤC TIÊU, NỘI DUNG GIÁO DỤC

MỤC TIÊU GIÁO DỤC			NỘI DUNG GIÁO DỤC	
	4 tuổi	5 tuổi	4 tuổi	5 tuổi
1. Lĩnh vực GD phát triển thể chất				
a. Phát triển vận động				
1	Trẻ thực hiện đầy đủ, đúng nhịp nhàng các động tác trong bài thể dục theo hiệu lệnh.	Trẻ thực hiện đúng, thuần thục các động tác của bài thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc/bài hát, bắt đầu kết thúc động tác đúng nhịp.	- Hô hấp: + Thở ra, hít vào sâu; Hít vào thở ra sâu. - Cơ tay và bả vai: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẫy bàn tay, nắm, mở bàn tay). + Co và duỗi tay, vỗ 2 tay vào nhau (phía trước, phía sau, trên đầu). + Đưa ra trước, gập khuỷu tay + Đưa 2 tay ra trước, về phía sau + Đánh xoay tròn 2 vai - Lưng, bụng: + Đứng cúi người về trước + Ngồi, cúi người về trước, ngửa ra sau.	- Hô hấp: + Hít vào, thở ra. - Cơ tay và bả vai: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang hai bên (kết hợp với vẫy tay, quay cổ tay, kiễng chân) + Co và duỗi từng tay, kết hợp kiễng chân. Hai tay đánh xoay tròn trước ngực, đưa lên cao. - Lưng, bụng: + Ngửa người ra sau kết hợp tay giơ, chân bước sang phải, sang trái.

			+ Quay sang trái, sang phải. + Nghiêng người sang trái, sang phải. + Ngồi quay người sang bên - <i>Động tác phát triển cơ chân:</i> + Đứng, 1 chân đưa lên trước, khuyu gối + Đứng nhún chân, khuyu gối. + Đứng, 1 chân nâng cao - gập gối. + Ngồi nâng 2 chân duỗi thẳng + Bật lên trước, ra sau, sang bên Hoạt động dân vũ khác phù hợp với độ tuổi. - Lồng ghép TCTV.	+ Quay sang trái, sang phải, kết hợp tay chống hông hoặc hai tay dang ngang, chân bước sang phải, sang trái. + Nghiêng người sang 2 bên, kết hợp tay chống hông, chân bước sang phải, sang trái. - <i>Động tác phát triển cơ chân:</i> + Chân đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa ra phía sau. + Nhảy lên, đưa 2 chân sang ngang; nhảy lên đưa một chân về phía trước, một chân về sau . - Hoạt động khác: Các bài dân vũ phù hợp với độ tuổi - Lồng ghép TCTV.
2			- Bật liên tục về phía trước. - Bật xa 35-40cm. - Bật nhảy từ trên cao xuống (cao 30-35cm).	+ Bật liên tục vào vòng. + Bật tách chân, khép chân qua 7 ô + Bật xa 50cm

	Trẻ thực hiện được các động tác bật.	Trẻ bật xa tối thiểu 50cm.(CS1)	- Bật tách khớp chân qua 5 ô. - Bật qua vật cản cao 10-15cm. - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.	+ Bật qua vật cản 15-20cm - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.
3	- Trẻ có thể nhảy xuống từ độ cao 30 cm	Trẻ nhảy xuống từ độ cao 40cm (CS2)	- Nhảy từ trên cao xuống 30 cm xuống - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt	- Nhảy từ trên cao xuống 40-50cm xuống (Bật sâu) - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt
4	Trẻ tung bắt bóng với người đối diện (cô/bạn): Bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 3m).	Trẻ ném và bắt bóng bằng 2 tay từ khoảng cách xa 4m (CS3)	+ Tung bóng lên cao và bắt bóng. + Tung bóng với người đối diện. - Ném và bắt bóng bằng 2 tay từ khoảng cách xa 4 m. - Lồng ghép TCTV.	- Ném và bắt bóng với người đối diện khoảng cách 4m - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt
5	Trẻ biết phối hợp tay mắt trong vận động ném trúng đích, ném xa	Trẻ phối hợp tay mắt trong vận động ném trúng đích, ném xa	- Ném xa bằng 1 tay/2 tay. + Ném trúng đích thẳng đứng (xa 1,5m x cao 1,2m) + Ném trúng đích nằm ngang bằng 1 tay (đích xa 1,2 - 1,4m) - Lồng ghép TCTV.	- Ném xa bằng 1 tay - Ném xa bằng 2 tay - Ném trúng đích thẳng đứng (Xa 2m, cao 1,5m) - Ném trúng đích nằm ngang - Lồng ghép TCTV.
6	Trẻ biết trèo lên xuống thang (thang leo); trèo qua ghế dài.	Trèo lên xuống thang ở độ cao 1,5m so với mặt đất. (CS4)	- Trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm. - Trèo lên xuống thang 5 gióng thang.	- Trèo lên xuống ghế thể dục - Trèo lên, xuống 7 gióng thang - Lồng ghép TCTV.

			- Lồng ghép TCTV.	
7	Trẻ biết nhảy lò cò ít nhất 3m	Trẻ nhảy lò cò được ít nhất 5 bước liên tục, đổi chân theo yêu cầu.(CS9)	- Nhảy lò cò 3m. - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.	+ Nhảy lò cò 5m + Nhảy lò cò theo yêu cầu của cô (ít nhất 5 bước liên tục, đổi chân theo yêu cầu) - Lồng ghép TCTV.
8	Trẻ tự đập bắt bóng được 4-5 lần liên tiếp.	Trẻ đập và bắt bóng bằng 2 tay. (CS10)	- Đập và bắt bóng bằng 2 tay. -Đập bắt bóng này 4-5 lần liên tiếp. - Lồng ghép TCTV.	- Tung bóng lên cao và bắt - Tung, đập bắt bóng tại chỗ - Đi và đập bắt bóng. - Lồng ghép TCTV.
9	Trẻ giữ thăng bằng khi thực hiện vận động: bước liên tục trên ghế thể dục hoặc vạch kẻ thẳng trên sàn...	Trẻ đi thăng bằng trên ghế thể dục (2m x 0,25 x 0,35m). (CS11)	+ Đi trên ghế thể dục . + Đi trên ghế thể dục đầu đội túi cát. + Đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn. - Đi kiễng gót, đi bằng gót chân. - Đi khuyu gối; - Đi bước lùi liên tiếp khoảng 3m. - Đi bước dòn trước, bước dòn ngang	+ Đi mép ngoài bàn chân. + Đi khuyu gối. + Đi trên dây (dây đặt trên sàn). + Đi nổi bàn chân tiến, lùi. - Không làm rơi vật đang đội trên đầu khi đi trên ghế thể dục. + Đi thăng bằng trên ghế thể dục theo yêu cầu của cô. - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt
10	Trẻ có khả năng đi lên, xuống ván dốc (dài 2m, rộng 0,3m) một đầu kê cao 0,3m	Trẻ biết đi lên, xuống ván dốc (dài 2m, rộng 0,3m) một đầu kê cao 0,3m	+ Đi trên ván kê dốc - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt	

11	Trẻ đứng 1 chân và giữ thẳng người trong 8 giây	Trẻ biết đứng 1 chân và giữ thẳng người trong 10 giây	- Đứng một chân, giữ thẳng bằng trong 8 giây	- Đứng một chân, giữ thẳng bằng trong 10 giây - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt
12	Trẻ thể hiện nhanh mạnh khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp chạy liên tục 15 m trong khoảng thời gian 10 giây.	Trẻ chạy 18m trong khoảng thời gian 5-7s (CS12)	+ Chạy 15 m trong khoảng 10 giây. - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt.	- Chạy theo hướng thẳng 18m không hạn chế thời gian. - Chạy theo hướng thẳng 18m trong khoảng 5-7 giây. - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt
13	Trẻ chạy liên tục 60-80m.	Trẻ chạy liên tục 150m không hạn chế thời gian (CS13)	- Chạy chậm 60-80m. - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt.	- Chạy chậm 120 -150m. - Chạy liên tục 150m - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt
14	Trẻ đi/chạy thay đổi hướng vận động đúng tín hiệu vật chuẩn 4-5 vật chuẩn đặt đích dắc.	Trẻ kiểm soát được vận động đi/chạy thay đổi hướng vận động theo đúng hiệu lệnh (Đổi hướng ít nhất 3 lần)	+ Đi thay đổi hướng đích dắc theo hiệu lệnh. + Đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh. + Chạy đổi hướng theo hiệu lệnh. - Lòng ghép TCTV.	- Đi, chạy thay đổi tốc độ, hướng, đích dắc theo hiệu lệnh. - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt
15	Trẻ biết bò chui qua cổng, chui qua ống dài. Bò trong đường đích dắc (3- 4 điểm đích dắc)	Trẻ bò/trườn vòng qua 5-7 điểm đích dắc, cách nhau 1,5m theo đúng yêu cầu	- Bò chui qua cổng, ống dài (1,2 x 0,6m) - Bò bằng bàn tay bàn chân 3-4m.	+ Bò bằng bàn tay, bàn chân. + Bò chui qua ống dài 1,5m x 0,6m + Trườn kết hợp trèo qua ghế

	cách nhau 2m) không lệch ra ngoài. Biết trườn theo hướng thẳng.		- Bò bằng bàn tay bàn chân theo đường dích dắc . - Bò trong đường zích zắc qua 5 điểm. - Trườn theo hướng thẳng. - Trườn chui qua cổng. - Lòng ghép TCTV.	(dài 1,5m x 30cm) + Bò dích dắc qua 7 điểm - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt
16	Trẻ chuyền, bắt bóng qua đầu, qua chân.	Trẻ chuyền, bắt bóng qua đầu, qua chân	- Chuyền, bắt bóng qua đầu qua chân. - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt.	- Chuyền, bắt bóng qua đầu, qua chân.... - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt
17	Trẻ tham gia các hoạt động học tập liên tục không có dấu hiệu mệt mỏi trong khoảng 25p	Trẻ tham gia các hoạt động học tập liên tục không có dấu hiệu mệt mỏi trong khoảng 30p (CS14)	- Tham gia từ đầu cho đến kết thúc một hoạt động dưới sự hướng dẫn của giáo viên. - Không có dấu hiệu mệt mỏi khi tham gia vào các hoạt động như: Ngáp, ngủ gật.	
18	Trẻ biết tự cài cúc áo, buộc dây, kéo phéc mơ tuya	Trẻ tự mặc và cởi được áo(CS5).	- Cài cúc, cởi cúc - Kỹ năng mặc áo, cởi áo. - Xâu dây, buộc dây - Kỹ năng xâu hạt, hạt. - Kỹ năng mặc áo phao, thắt dây an toàn khi tham gia giao thông (taxi) - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt	- Cài, cởi hết cúc, kéo khóa, xâu dây giày, cài quai dép, kéo khóa (phéc mơ tuya). - Mặc áo đúng cách, cài và mở được hết các cúc áo. - Kỹ năng mặc áo phao - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt
19		Trẻ thực hiện được các	- Luyện tay: Búng ngón tay,	- Tập các loại cử động uốn

	Trẻ thực hiện vận động cuộn - xoay tròn cổ tay.	vận động uốn ngón tay, bàn tay, xoay cổ tay, gập mở lần lượt từng ngón tay.	chạm các đầu ngón tay vào nhau, quay ngón tay, cổ tay, vặn, - Vo , xoáy, xoắn , vặn, búng ngón tay. - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt.	ngón tay, bàn tay; xoay cổ tay; Gập, mở lần lượt từng ngón tay; bẻ nắn... - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt
20	Trẻ thực hiện được các vận động gập, mở các ngón tay.	Trẻ phối hợp các cử động bàn tay ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động	- Gập, giở sách; Đóng, mở nắp hộp. - Dùng tay tạo hình thành các con vật; đan tết sợi đôi, cài, cởi cúc, buộc dây giày - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt.	- Tô, đồ theo nét - Lắp ráp, xếp chồng - Kỹ năng đội mũ bảo hiểm - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt
21	Trẻ vẽ được hình người, nhà, cây.	Trẻ tô màu kín không chừa ra ngoài đường viền các hình vẽ. (CS6)	- Cầm bút đúng cách tô vẽ hình. - Lòng TCTV.	- Cầm bút đúng cách. - Tô màu mịn, đều không chừa ra ngoài nét vẽ. - Lòng ghép TCTV.
22	Trẻ cắt thành thạo theo đường thẳng.	Trẻ cắt theo các đường viền thẳng và cong của các hình đơn giản. (CS7)	- Xé cắt đường thẳng. - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt.	- Cắt theo đường thẳng, cong - Cắt theo đường viền của hình - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt
23	Trẻ biết xây dựng lắp ráp với 10-12 khối.	Trẻ dán các hình vào đúng vị trí cho trước không bị nhăn (CS8)	- Lắp ghép hình. - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt.	- Ghép hình và dán hình đã cắt theo mẫu - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt

Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe

	Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe			
24	Trẻ khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi: - Cân nặng: + Trẻ trai: 14,1 - 24,2 Kg + Trẻ gái: 13,7 - 24,9 Kg - Chiều cao: + Trẻ trai 100,7 - 119,2cm + Trẻ gái: 99,9 - 118,9cm.	Trẻ khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi - Cân nặng: + Trẻ trai: 12,7-21,2 kg + Trẻ gái: 12,3- 21,5 kg - Chiều cao + Trẻ trai: 94,9-111,7 cm + Trẻ gái: 94,1- 111,3 cm	- Rèn cho trẻ thói quen ăn ngủ đúng giờ, đảm bảo nhu cầu năng lượng một ngày - Khám sức khỏe theo định kỳ (2 lần/năm), cân đo trẻ (3 tháng/lần) theo dõi trên biểu đồ tăng trưởng. Cân đo trẻ SDD, TC hàng tháng - Phối kết hợp với gia đình trong công tác chăm sóc sức khỏe cho trẻ, phòng chống suy dinh dưỡng, béo phì - Rèn thói quen tập thể dục thường xuyên cho trẻ	
25	Trẻ biết một số thực phẩm cùng nhóm (thịt, cá tôm..., có nhiều chất đạm; rau, quả,...có nhiều vitamin và muối khoáng).	Trẻ biết lựa chọn một số thực phẩm khi được gọi tên nhóm: Thực phẩm giàu chất đạm, giàu vitamin và muối khoáng.	- Nhận biết một số thực phẩm thông thường trong các nhóm thực phẩm (Trên tháp dinh dưỡng). - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.	- Tên gọi, giá trị dinh dưỡng của một số thực phẩm thông dụng. - Nhận biết, phân loại một số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm. - Chơi trò chơi - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt
26	Trẻ nói được tên một số	Trẻ kể được tên một số	- Kể tên một số thức ăn đặc trưng của địa phương (Măng rừng xào, dưa chua xào..) trám kho cá...	- Kể tên các món ăn thông thường hàng ngày như rau luộc,

	món ăn hằng ngày và dạng chế biến đơn giản.	thức ăn cần có trong bữa ăn hàng ngày. (CS19)	- Nhận biết dạng chế biến đơn giản của một số thực phẩm, món ăn. - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt.	cá kho, canh, gạo nấu cơm, thịt kho.... và cách chế biến đơn giản - Làm quen với một số thao tác đơn giản trong chế biến một số món ăn, thức uống: Rán trứng, pha nước cam... - Nhận biết thực phẩm bẩn, sạch.
27	Trẻ biết và không ăn, uống một số thứ có hại cho sức khỏe.	Trẻ biết và không ăn uống một số thức ăn có hại cho cơ thể. (CS20)	- Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...). - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt	
28	Trẻ biết tự rửa tay bằng xà phòng trước khi ăn và sau khi đi vệ sinh, khi tay bẩn	Trẻ biết tự rửa tay bằng xà phòng trước khi ăn và sau khi đi vệ sinh và khi tay bẩn. (CS15)	- Rèn luyện thao tác rửa tay bằng xà phòng theo 6 bước do Bộ Y tế quy định. - Rèn thói quen rửa tay trước khi ăn và sau khi đi vệ sinh và khi tay bẩn. - Thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh. - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt	
29	Trẻ biết tự rửa mặt, đánh răng khi được nhắc nhở.	Trẻ biết tự rửa mặt, chải răng hàng ngày. (CS16)	- Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh răng miệng đối với sức khỏe con người - Tập luyện kỹ năng: đánh răng, rửa mặt - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt	

30	Trẻ biết giữ đầu tóc, quần áo gọn gàng	Trẻ giữ đầu tóc, quần áo gọn gàng. (CS18);	- Thực hiện thói quen vệ sinh trước khi đến lớp: đầu tóc, quần áo gọn gàng, sạch sẽ. - Giữ gìn quần áo sạch sẽ, thay quần áo hàng ngày - Kỹ năng tự phục vụ. - Vuốt tóc khi tóc rối; chỉnh quần áo gọn gàng sau khi ngủ dậy, sau khi đi vệ sinh. - Tự thay quần áo khi bị ướt, bẩn và để vào nơi quy định.	
31	Trẻ biết đi vệ sinh, bỏ rác đúng nơi quy định khi được nhắc nhở.	Trẻ biết đi vệ sinh đúng nơi quy định, biết đi xong dội/giặt nước cho sạch.	- Đi vệ sinh đúng nơi qui định: nhà vệ sinh bé trai, bé gái; kí hiệu trên nhà vệ sinh bé trai, bé gái - Lợi ích của việc đi vệ sinh đúng nơi quy định - Sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách. - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt	
32	Trẻ biết tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ, thức ăn.	Trẻ sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo	- Kỹ năng sử dụng ca, cốc, thìa, bát, bình uống nước...	- Dạy trẻ kỹ năng sử dụng thìa, đĩa, kẹp gấp thức ăn. Rót nước từ bình ra cốc. - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt
33	Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong ăn uống	Trẻ có hành vi và thói quen tốt trong ăn uống	- Dạy trẻ hành vi văn minh trong khi ăn: + Mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn + Không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn + Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau, uống nhiều nước. + Không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường. - Nhận biết một số đồ ăn nhẹ (ăn vặt) lành mạnh - Lợi ích của thói quen ăn uống lành mạnh: Ăn uống đủ chất, cân đối và vệ sinh, uống nhiều nước và ăn sáng.... - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt	

34	Trẻ có một số hành vi tốt về vệ sinh phòng bệnh khi được nhắc nhở	Trẻ có một số một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh, phòng bệnh.	- Đội mũ khi ra nắng, mặc ấm khi trời lạnh, đi giày, dép khi đến lớp. - Một số biểu hiện khi ốm: Người mệt mỏi; biếng ăn, nhức đầu, sổ mũi,.. - Lựa chọn trang phục phù hợp với thời tiết; Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết. + Vệ sinh răng miệng: sau khi ăn hoặc trước khi ngủ dậy, sáng ngủ dậy....
35	Trẻ biết che miệng khi ho, hắt hơi, ngáp. Khi được nhắc nhở	Trẻ biết che miệng khi ho, hắt hơi, ngáp. (CS17)	- Một số hành vi văn minh nơi công cộng biết che miệng khi ho, hắt hơi, ngáp. - Thái độ, việc làm của bé khi thấy bạn ho, hắt hơi, ngáp không che miệng - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt
36	Trẻ nhận ra và không đến gần, không chơi một số vật dụng nguy hiểm.	Trẻ nhận ra và không chơi một số đồ vật có thể gây nguy hiểm. (CS21)	- Nhận biết và phòng tránh một số đồ vật có thể gây nguy hiểm (bàn là, bếp lò đang đun, phích nước nóng, ổ cắm điện, dao nhọn...) - Gọi tên một số đồ vật gây nguy hiểm. - Không sử dụng những đồ vật dễ gây nguy hiểm
37	Trẻ có thể nhận ra những nơi nguy hiểm, không được chơi gần.	Trẻ không chơi ở những nơi mất vệ sinh, nguy hiểm. (CS23)	- Nhận biết những nơi không an toàn: hồ, ao, bể chứa nước, giếng, nơi có nhiều người và xe cộ qua lại, chợ, cột điện, nơi có vật liệu nổ, nơi dễ cháy nổ.... - Tìm hiểu một số khu vực có thể gây nguy hiểm (nhà đang xây, đường lầy lội ngập nước, dưới lòng đường, ao hồ). - Nhận biết một số nơi không an toàn, nguy hiểm: Nơi có nhiều người và xe cộ đi lại, chợ, cột điện, nơi dễ cháy nổ. + Cách chơi an toàn tại các khu vực trong trường

			- Lòng ghép tăng cường tiếng Việt
38	Trẻ biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở.	Trẻ biết và không làm một số việc có thể gây nguy hiểm. (CS22).	Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm: Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc ăn các loại quả có hạt dễ bị hóc, sặc - Không tự ý uống thuốc - Không ăn những loại thức ăn ôi thiu, ăn lá, quả lạ dễ bị ngộ độc; biết nhắc nhở người lớn không uống rượu, bia. - Nhận biết sự nguy hiểm từ cách vận hành của xe máy, xe đạp: Bỏ xe khi nóng, tay ga khi xe chưa tắt máy, bánh xe đang quay... - Nhận biết 1 số hành động nguy hiểm khi ngồi trên xe máy, xe đạp: Không được ngồi trên đầu xe, giỏ xe, không được đứng trên xe, không ngồi ngược chiều của xe... - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt
39	Trẻ nhận ra một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp (cháy, bị lạc....).	Trẻ biết kêu cứu và chạy khỏi nơi nguy hiểm. (CS25)	- Nhận biết một số dấu hiệu khi bị đau, chảy máu. - Nhận biết địa chỉ nơi ở, số điện thoại của gia đình, người thân khi bị lạc. - Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ: Cháy, có bạn/ người rơi xuống nước, ngã chảy máu... Tập luyện một số tình huống nguy hiểm có thể xảy ra (Bị khóa trái cửa trong nhà vệ sinh; bị ngã xuống hố; bị con vật cắn) - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt

40	Trẻ nhận ra người đang hút thuốc lá và biết không đến gần người đang hút thuốc lá	Trẻ biết hút thuốc lá có hại và không lại gần người đang hút thuốc lá. (CS26)	- Nhận biết biển cấm hút thuốc và tìm hiểu tác hại của thuốc lá với sức khỏe của con người; cách phòng tránh. - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt - Thể hiện thái độ không đồng tình với người hút thuốc lá bằng lời nói hoặc hành động.
41	- Nhận ra người lạ không ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo	Trẻ không đi theo, không nhận quà người lạ khi chưa được người thân cho phép. (CS24)	- Nhận biết một số trường hợp không an toàn: Khi người lạ bế ẵm cho kẹo bánh, uống nước ngọt rủ đi chơi; Ra khỏi nhà, khu vực trường lớp, khi không được phép của người lớn, cô giáo. - Biết được địa chỉ nơi ở, số điện thoại gia đình, người thân và khi bị lạc biết hỏi, gọi người lớn giúp đỡ.
42	Trẻ thực hiện một số quy định ở trường	Trẻ thực hiện một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn	- Một số quy định: + Đi bộ trên vỉa hè; đi sang đường phải có người lớn dắt; đội mũ bảo hiểm khi ngồi trên xe máy + Không leo trèo cây, ban công, tường rào. - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt
2. Phát triển tình cảm kỹ năng xã hội			
43	Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, tên mẹ.	Trẻ nói được một số thông tin quan trọng về bản thân và gia đình (CS27)	- Họ, tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, tên mẹ.... - Nói địa chỉ nhà (thôn bản), số điện thoại gia đình hoặc số điện thoại của bố, mẹ (Nếu có)... - Nghề nghiệp của bố mẹ - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt

44	Trẻ biết chọn trang phục theo ý thích của trẻ	Trẻ biết ứng xử phù hợp với giới tính của bản thân. (CS28)	- Sở thích, khả năng của bản thân. - Nhận biết, phân biệt quần áo của bạn trai, bạn gái, bộ quần áo dân tộc đặc trưng của địa phương - Những điều bé thích, không thích - Một số hành vi văn minh lịch sự của bạn trai, bạn gái. (Bạn gái ngồi khép chân khi mặc váy..., bạn trai nhường nhịn và làm các công việc nặng hơn, sẵn sàng giúp đỡ các bạn gái)	
45	Trẻ nói được những điều bé thích, bé không thích, những việc bé có thể làm được.	Trẻ nói được khả năng và sở thích của bản thân; (CS29)	- Sở thích, khả năng riêng của bản thân. - Điểm giống và khác nhau của mình với bạn khác - Những điều nên làm và không nên làm. - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt.	
				- Giải thích lý do những việc mà mình có thể làm được và không thể làm được.
46	Trẻ có thể tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích	Trẻ biết đề xuất trò chơi và hoạt động thể hiện ý thích riêng của bản thân. (CS30)	- Tham gia hoạt động nhóm với các bạn, đóng các vai chơi Tập luyện các kỹ năng giao tiếp, phối hợp với bạn trong khi chơi. - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt.	
			- Tự lựa chọn các trò chơi, Đồ chơi yêu thích.	- Ý kiến cá nhân trong việc lựa chọn các trò chơi, đồ chơi theo ý thích của bản thân: - Mạnh dạn, tự tin bày tỏ ý kiến.
47	Trẻ có thể nhận biết cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên	Trẻ biết các trạng thái cảm xúc vui, buồn, ngạc nhiên, sợ hãi, tức giận,	- Nhận biết được một số trạng thái cảm xúc: Vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ, qua tranh qua nét mặt, cử chỉ giọng nói, tranh ảnh, âm nhạc.	

	qua giọng nói, cử chỉ qua tranh ảnh	xấu hổ của người khác. (CS35)	- Lòng ghép tăng cường tiếng Việt.	
48	Trẻ biết biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên	Bộc lộ trạng thái cảm xúc của bản thân bằng lời nói, cử chỉ, nét mặt. (CS36)	- Bày tỏ tình cảm phù hợp với trạng thái cảm xúc của người khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau - Cảm xúc của bé trên khuôn mặt (vui, buồn, sợ hãi, tức giận...) - Gương mặt của bé, hành động của bé khi vui, buồn, sợ hãi.... - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt.	
49	Biết an ủi, chia sẻ đồ chơi cho bạn	Trẻ biết thể hiện sự an ủi và chia vui với người thân bạn bè (CS37)	- Hành động của bé khi bạn bị ốm, buồn, vui, sợ hãi...	- Mối quan hệ giữa hành vi của trẻ và cảm xúc của trẻ và cảm xúc của người khác: An ủi người thân hay bạn bè khi bị ốm mệt hoặc buồn rầu bằng lời nói hoặc cử chỉ; Chúc mừng động viên, khen ngợi cổ vũ bạn, người thân có niềm vui: mừng sinh nhật, bạn có quần áo mới...
50	Trẻ nhận ra cái đẹp và thích thú trước cái đẹp	Trẻ thể hiện sự thích thú trước cái đẹp (CS38)	- Cảm nhận được vẻ đẹp của sự vật - Bộc lộ tính cách của mình trước cái đẹp - Thể hiện lời nói bày tỏ sự thích thú của mình trước cái đẹp	
51	<i>Trẻ nhận biết được một số đặc trưng trong nét văn hóa truyền thống của dân tộc Dao Thanh Y</i>	<i>Trẻ có ý thức giữ gìn, tôn trọng văn hóa truyền thống của dân tộc Dao Thanh Y</i>	- Tìm hiểu một vài nét đẹp về văn hóa truyền thống của xã Quảng Đức: Trang phục dân tộc Dao Thanh Y, tiếng nói, lễ cấp sắc, lễ hội Sóng Mun, lễ hội sôi ba màu... - Làm quen hoa văn, màu sắc... đặc trưng trên trang phục. - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt.	
52	Biết thể hiện một số hành động để chăm sóc cây cối, vật nuôi	Trẻ thích chăm sóc cây cối, con vật nuôi quen thuộc. (CS39)	- Tổ chức một số hoạt động chăm sóc con vật, cây cối: tưới, nhổ cỏ, lau lá cây, cho con vật ăn... - Quan tâm hỏi han về sự phát triển cách chăm sóc cây cối và	

			con vật quen thuộc.. - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.
53	Trẻ biết thực hiện một số hành vi phù hợp với hoàn cảnh	Trẻ biết thay đổi hành vi và thể hiện cảm xúc phù hợp với hoàn cảnh. (CS40)	- Thái độ và việc làm của bé tại lớp, gia đình: Nói khẽ, đi lại nhẹ nhàng khi người thân đang mệt, trong giờ ngủ, nói chuyện riêng trong giờ học, trêu đùa khi bạn đang mệt . - Lồng ghép giáo dục an toàn giao thông
			- Tập luyện kỹ năng ứng xử, giao tiếp trong các hoàn cảnh khác nhau: Chia tay bạn trong lớp; bạn buồn; bạn bị ngã đau; sinh nhật bạn;... - Cảm xúc của bản thân - Thể hiện cảm xúc của mình trước hoàn cảnh cụ thể - Mạnh dạn, tự tin bày tỏ ý kiến.
54	Trẻ có thể nhận ra cảm xúc tiêu cực và kiềm chế cảm xúc khi được an ủi	Trẻ biết kiềm chế cảm xúc tiêu cực khi được an ủi, giải thích. (CS41)	- Các tình huống tiêu cực có thể xảy ra tại trường, lớp: Khi cô giáo nhận xét về kết quả không đúng, khi bạn trêu đùa,... - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt
			- Trấn tĩnh lại, hạn chế cảm xúc và những hành vi tiêu cực như: Đánh bạn, gào khóc....Khi được người khác giải thích, an ủi, chia sẻ - Trẻ sử dụng lời nói để diễn tả cảm xúc tiêu cực (Khó chịu, tức giận...) của bản thân khi giao tiếp với bạn bè, người thân
55	Trẻ nhận ra hình ảnh	Trẻ nhận ra hình ảnh	- Nhận ra hình ảnh Bác Hồ qua tranh ảnh - Kính yêu Bác Hồ. - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt

	bác Hồ, Lăng Bác.	Bác Hồ và một số địa danh gắn với hoạt động của Bác Hồ như: Chỗ ở, nơi làm việc.	- Nhận biết lăng Bác Hồ.	- Nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ (Phủ Chủ tịch, Lăng Bác...).
56	Trẻ biết thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ	Trẻ biết thể hiện tình cảm với Bác Hồ qua bài hát, kể chuyện...về Bác	- Hát các bài hát, nghe các bài thơ, câu chuyện về Bác Hồ - Kính yêu Bác Hồ - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt.	
57	Trẻ có ý thức cố gắng hoàn thành công việc được giao	Trẻ cố gắng thực hiện công việc đến cùng (CS31)	- Thực hiện công việc được giao (Trực nhật, xếp dọn đồ chơi...) - Thái độ của bé khi thực hiện công việc được giao: Vui vẻ, thích thú và cố gắng thực hiện công việc - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt.	
				- Nhanh chóng thực hiện công việc, tự tin khi thực hiện, không chán nản hoặc chờ đợi sự giúp đỡ của người khác.
58	Trẻ có thể thể hiện hành động vui mừng khi hoàn thành nhiệm vụ được giao	Thể hiện sự thích thú khi hoàn thành công việc (CS32)	- Vui vẻ khi nhận công việc được giao - Tổ ra phấn khởi , ngắm nghía hoặc nâng niu, vuốt ve. - Nói về sản phẩm của mình với người khác. - Giữ gìn sản phẩm cẩn thận.	
59	Trẻ có ý thức tự giác làm một số công việc đơn giản ở lớp	Trẻ biết chủ động làm một số công việc đơn giản hàng ngày (CS33)	- Cát dọn đồ chơi sau khi chơi. - Rửa tay trước khi ăn. - Chủ động và độc lập trong một số hoạt động: tự rửa mặt, rửa tay, tự mặc quần áo, tự sắp xếp đồ dùng gọn gàng. - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt.	

60	Có thể bày tỏ ý kiến của mình khi được nhắc nhở	Trẻ mạnh dạn nói ý kiến của bản thân. (CS34)	- Trả lời các câu hỏi - Bày tỏ ý kiến của bản thân khi được cô hỏi, khi tham gia hoạt động; đồng ý, không đồng ý trước ý kiến của bạn và người lớn - Chủ động nói với người lớn tình trạng sức khỏe của bản thân hàng ngày. - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt.	
			- Nói được ý kiến của bản thân mình về hậu quả của việc không tuân thủ các quy định khi tham gia giao thông	- Nói hỏi, hoặc trả lời các câu hỏi lưu loát rõ ràng - Nêu ý kiến của bản thân trong các tình huống người lớn đặt ra.
61	Biết trao đổi thỏa thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung	Trẻ dễ hòa đồng với bạn bè trong nhóm chơi trong nhóm chơi. (CS42)	- Nhanh chóng nhập cuộc vào nhóm. - Được mọi người trong nhóm tiếp nhận. - Chơi trong nhóm bạn vui vẻ, thoải mái.	
62	Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng	Trẻ thực hiện một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng	- Cất đồ chơi vào nơi quy định, không làm ồn nơi công cộng, vâng lời ông bà, bố mẹ, anh chị, muốn đi chơi phải xin phép; trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường, nhắc nhở người lớn đội mũ bảo hiểm khi đi xe máy. - Một số quy định tại nơi công cộng: Không bẻ cành, hái hoa; không vứt rác bừa bãi; đi lề bên phải đường - Quy định khi tham gia giao thông: Nhắc nhở người lớn đội mũ bảo hiểm khi đi xe máy, đi bộ bên phải đường, không được qua đường một mình.....	
63	Trẻ chủ động giao tiếp với bạn bè và biết giao	Trẻ chủ động giao tiếp với bạn bè và người lớn	- Một số hoạt động giao tiếp của bé với các bạn, cô giáo, các cô các bác trong trường. - Hành vi, cử chỉ, điệu bộ của bé khi trò chuyện với cô và các	

	tiếp với người lớn khi được trò chuyện	gần gũi (CS43)	bạn: Chào hỏi trước, vui tươi, trả lời các câu hỏi của cô và bạn - Mạnh dạn tự tin trong giao tiếp với bạn bè và người lớn gần gũi với trẻ. - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt.
			- Sử dụng ngôn ngữ mạch lạc giao tiếp - Trao đổi với bạn và người lớn gần gũi khi cần thiết.
64	Trẻ biết thực hiện một số hành động để chia sẻ, giúp đỡ bạn	Trẻ thích chia sẻ cảm xúc, kinh nghiệm, đồ dùng đồ chơi với những người gần gũi. (CS44)	- Vui vẻ chia sẻ đồ chơi với bạn. - Kể cho bạn về chuyện vui, buồn của mình - Trao đổi, hướng dẫn bạn trong hoạt động cùng nhóm - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt.
65	Trẻ thực hiện được một số hoạt động đơn giản để giúp đỡ bạn	Trẻ sẵn sàng giúp đỡ khi người khác gặp hoàn cảnh khó khăn. (CS45)	- Bé giúp đỡ các bạn trong các hoạt động hàng ngày (Lấy đồ chơi giúp bạn, kê ghế giúp bạn, cất đồ dùng cá nhân giúp bạn khi bạn bị đau, bị ốm). - Chủ động giúp đỡ khi nhìn thấy người thân trong gia đình cần sự trợ giúp và khi được yêu cầu. - Quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ bạn. - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt.
66	Nói được tên, sở thích giới tính của một số bạn cùng chơi	Trẻ có nhóm bạn chơi thường xuyên (CS46).	- Tên; sở thích các bạn thường chơi với bé - Các bạn mà bé thích cùng chơi - Chơi hòa thuận với bạn. - Thích chơi với nhóm bạn có cùng sở thích. - Vị trí và trách nhiệm của mình trong nhóm bạn. - Quan tâm, giúp đỡ, chia sẻ cảm xúc của mình với các bạn trong nhóm chơi.

			- Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.	
67	Trẻ biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở	Trẻ biết chờ đến lượt khi tham gia vào các hoạt động. (CS47)	- Tôn trọng, hợp tác, chấp nhận. - Bày tỏ ý kiến của mình khi người khác nói xong. - Kỹ năng xếp hàng, đi theo hàng, tuân thủ các quy định khi tham gia giao thông. - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.	
68	Trẻ biết lắng nghe ý kiến của người khác	Trẻ biết lắng nghe ý kiến của người khác (CS48)	- Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói, cử chỉ lễ phép, lịch sự. - Chấp nhận sự khác nhau giữa các ý kiến và cùng nhau thống nhất để thực hiện. - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.	
				- Thực hiện yêu cầu do cô và bạn đặt ra.
69	Biết trao đổi, thỏa thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung (chơi, trực nhật)	Trao đổi ý kiến của mình với các bạn (CS49)	Các hành vi, cử chỉ của bé khi nghe người khác nói: Chú ý nhìn vào mắt người nói, lắng nghe người nói, đặt câu hỏi đúng lúc, không cắt ngang người nói.. - Trao đổi, chia sẻ về ý kiến với các bạn - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.	
			- Mạnh dạn bày tỏ ý kiến của mình với các bạn trong nhóm hoặc người lớn gần gũi.	- Chia sẻ kinh nghiệm của mình với người khác hoặc nhóm bạn.
70	Biết chia sẻ đồ chơi giúp đỡ bạn khi chơi	Trẻ biết thể hiện sự thân thiện, đoàn kết với bạn bè. (CS50)	- Thái độ, cử chỉ của bé trong khi chơi với các bạn: Vui vẻ, hợp tác, chơi đoàn kết. - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.	
				- Biết dùng cách để giải quyết mâu thuẫn giữa các bạn

71	Trẻ biết thể hiện sự đồng ý hay không đồng ý khi được phân công nhiệm vụ	Trẻ biết chấp nhận sự phân công của nhóm bạn và người lớn. (CS51)	- Kể tên các công việc vừa sức trẻ - Thực hiện tốt các công việc được giao - Chủ động và độc lập trong công việc được bạn hoặc cô giáo phân công - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt.	
72	Trẻ có thể thực hiện nhiệm vụ của mình cùng người lớn	Trẻ sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ đơn giản cùng người khác. (CS52)	- Thực hiện đúng công việc của mình - Chủ động bắt tay vào công việc cùng bạn. - Phối hợp với bạn để thực hiện và hoàn thành công việc vui vẻ, không xảy ra mâu thuẫn. - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt.	
73	Trẻ có thể nói được khả năng, sở thích của bạn trong lớp	Trẻ nói được khả năng, sở thích của bạn và người thân. (CS58)	- Khả năng, sở thích của bạn trong lớp - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt.	- Nhận biết 1 số khả năng của bạn bè, người gần gũi VD: Bạn A vẽ đẹp, bạn B đọc thơ giỏi.. - Nói được 1 số sở thích của bạn bè và người thân VD: Bạn Kiệt thích ăn thịt gà... - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt.
74	Trẻ nhận ra sự khác biệt của mình với bạn	Trẻ chấp nhận sự khác biệt của người khác với mình. (CS59)	- Trang phục, giọng nói, tính cách của bé và các bạn - Sự khác biệt của mình với bạn và người lớn. - Chấp nhận sự khác biệt của mình với người khác và biết đón nhận sự khác biệt của khác với mình - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt.	
75	Trẻ biết cách chia sẻ tạo sự công bằng trong	Trẻ quan tâm đến sự công bằng trong nhóm	- Thái độ, ý kiến của bé trước sự việc không công bằng - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt.	

	nhóm khi tham gia hoạt động	bạn (CS60)	- Quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ các bạn trong lớp, trong nhóm.	- So sánh nhận xét sự chênh lệch về đồ dùng đồ chơi, thức ăn giữa các bạn trong nhóm. - Tôn trọng ý kiến của bạn trong nhóm chơi.
76	Trẻ nhận ra việc làm của mình có ảnh hưởng đến người khác khi được nhắc nhở	Trẻ nhận ra việc làm của mình có ảnh hưởng đến người khác; (CS53)	- Những việc làm của bé khiến cho người khác vui (buồn): ăn hết xuất cô vui; lễ phép cô vui; chơi không đoàn kết với bạn cô buồn - Cảm nhận về thái độ, cử chỉ của cô giáo, người thân và bạn bè. - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt.	
				- Nhận ra việc làm sai trái của mình và sửa chữa. - Mạnh dạn xin lỗi bạn hoặc cô giáo khi mình làm sai. - Hành vi văn hóa khi sử dụng các dịch vụ giao thông như tắc xi...
77	Biết nói lời cảm ơn, xin lỗi chào hỏi lễ phép	Trẻ có thói quen chào hỏi, cảm ơn, xin lỗi, và xưng hô lễ phép với người lớn (CS54)	- Sử dụng các câu Chào hỏi, cảm ơn, xin lỗi phù hợp hoàn cảnh. - Xưng hô lễ phép đúng lúc; Thể hiện sự lễ phép, lịch sự với bạn bè và người lớn xung quanh. - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt.	
78	Trẻ nói rõ những ý muốn của trẻ với người khác	Trẻ biết đề nghị sự giúp đỡ của người khác khi cần thiết. (CS55)	- Hành động, lời nói của bé khi cần sự giúp đỡ của người lớn (Muốn đi vệ sinh; bị lạc, bị đau bụng; bê vật nặng; lấy đồ vật ở trên cao,...)	

			- Nhận biết những hoàn cảnh cần giúp đỡ - Mạnh dạn trong giao tiếp - Mạnh dạn đề nghị bạn và người khác giúp đỡ mình hoặc giúp đỡ bạn khi cần thiết. - Nhận ra sự cần giúp đỡ của người khác - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt.	
79	Trẻ có thể nhận ra một số hành vi đúng - sai; Tốt - xấu.	Trẻ nhận xét được một số hành vi đúng hoặc sai của con người đối với môi trường. (CS56)	- Phân biệt hành vi "đúng" - "sai", "tốt" - "xấu" - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt.	- Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi "đúng" - "sai", "tốt" - "xấu" của con người đối với môi trường - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt.
80	Trẻ thực hiện được một số hành vi bảo vệ môi trường	Trẻ có hành vi bảo vệ môi trường trong sinh hoạt hàng ngày (CS57)	- Giữ gìn vệ sinh môi trường: bỏ rác đúng nơi quy định, cất đồ chơi, đồ dùng đúng nơi, ngăn nắp, gọn gàng; tham gia quét, lau chùi nhà cửa - Sử dụng tiết kiệm điện, nước trong sinh hoạt. Tắt điện khi ra khỏi phòng, khóa vòi nước... - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt.	
			Thái độ, tình cảm với cô, bác làm nghề trên biển; vệ sinh môi trường	
81	Trẻ biết các hành vi xâm hại và cách bảo vệ bản thân khỏi nguy cơ bị xâm hại.	Trẻ biết các hành vi xâm hại và bảo vệ bản thân khỏi nguy cơ bị xâm hại.	- Nhận biết các hành vi xâm hại, hành vi bạo hành trẻ em. - Biết một số hành động tự bảo vệ bản thân khỏi xâm hại và kêu gọi sự giúp đỡ khi bị người khác có hành vi xâm hại - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt.	
	3. Phát triển ngôn ngữ			

	Nghe		
82	Trẻ có thể nghe và hiểu câu nói có tốc độ khác nhau	Trẻ nhận ra được sắc thái biểu cảm của lời nói khi vui, buồn, tức giận, ngạc nhiên, sợ hãi (CS61)	- Nhận ra cảm xúc vui, buồn, âu yếm, ngạc nhiên sợ, hãi, tức giận của người khác qua lời nói - Nghe các câu nói có tốc độ nhanh, chậm, to, nhỏ theo tình huống và hoàn cảnh cụ thể. - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.
			- Thể hiện được cảm xúc của bản thân qua ngữ điệu của lời nói; thông cảm, chia sẻ với người khác.
83	Trẻ có thể nghe và thực hiện được 2-3 yêu cầu	Trẻ nghe và hiểu, thực hiện được các chỉ dẫn liên quan đến 2 - 3 hành động (CS62)	Nghe và thực hiện được từng yêu cầu của cô - Hiểu và làm theo được 2-3 yêu cầu liên tiếp. - Thực hiện được theo lời chỉ dẫn các hành động có liên quan trực tiếp; - Thực hiện đúng thứ tự các chỉ dẫn. - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.
84	Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát	Trẻ hiểu một số từ khái quát chỉ sự vật hiện tượng đơn giản, gần gũi (CS63)	- Nghe các từ khái quát về các sự vật, hiện tượng gần gũi xung quanh trẻ: con vật, cây cối, hoa lá, phương tiện giao thông - Lựa chọn các vật, hiện tượng tập hợp theo nhóm; - Hiểu nghĩa từ khái quát, từ trái nghĩa - Nghe hiểu nội dung câu đơn, câu mở rộng, câu phức. - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.
85	Trẻ có thể nghe và hiểu nội dung các câu chuyện, bài thơ, ca dao, đồng dao, hò, vè, câu đố	Trẻ nghe hiểu nội dung truyện, thơ, đồng dao ca dao phù hợp với độ tuổi. (CS64)	- Nghe, hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi (nghe trên đài, nghe cô đọc, nghe

	phù hợp với độ tuổi.		các bạn đọc....). Lồng ghép giáo dục ATGT - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.
			Nói chủ đề và giá trị đạo đức của câu truyện, tính cách nhân vật chính trong câu truyện.
86	Chăm chú lắng nghe và thể hiện ánh mắt, cử chỉ với người đang nói	Chăm chú lắng nghe người khác và đáp lại bằng cử chỉ, nét mặt, ánh mắt phù hợp. (CS74)	- Lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại - Trả lời câu hỏi, đáp lại bằng cử chỉ, điệu bộ, nét mặt để người nói biết rằng mình đã hiểu hay chưa hiểu điều họ nói. - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.
	Nói		
87	Trẻ có thể phát âm các tiếng có chứa âm khó	Trẻ biết nói rõ ràng. (CS65)	- Phát âm các tiếng có phụ âm đầu, phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu; Nói rõ ràng các từ ngữ; - Phát âm rõ ràng những điều muốn nói để người khác có thể hiểu được; - Sử dụng lời nói rõ ràng, dễ dàng, thoải mái, điều chỉnh giọng nói phù hợp với ngữ điệu - Phát âm các tiếng có chứa các âm khó bằng tiếng Việt.
			- Phát âm các tiếng có chứa âm khó: khuya, con Hươu, khuy áo ... - Phát âm được các âm khó: N- L; X- S, R - D . - Diễn đạt ý tưởng; trả lời được theo ý của câu hỏi.
88	Trẻ sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm	Trẻ biết sử dụng các từ chỉ tên gọi, hành động, tính chất và từ biểu cảm	- Sử dụng chính xác các từ chỉ tên gọi của sự vật, hiện tượng. - Thể hiện tình cảm của bản thân với sự vật hiện tượng qua lời nói.

		trong sinh hoạt hàng ngày. (CS66)	- Sử dụng đúng các danh từ, tính từ, động từ, từ biểu cảm trong câu nói phù hợp với tình huống giao tiếp VD: Sao hôm nay bạn xinh thế? - Miêu tả được hành động của con người, con vật, sự thay đổi của thiên nhiên,...	
89	Trẻ có thể sử dụng được các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định	Trẻ biết sử dụng các loại câu khác nhau trong giao tiếp. (CS67)	- Các loại câu đơn, câu ghép - Trả lời và đặt các câu hỏi: "ai"?; "cái gì"?; "ở đâu"?; "khi nào"?; "để làm gì"?	- Dùng các câu đơn, câu ghép, câu cầu khiến, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh...phù hợp với ngữ cảnh để diễn đạt trong giao tiếp với người khác; - Trả lời các câu hỏi về nguyên nhân, so sánh và đặt câu hỏi: Tại sao? Như thế nào? - Đặt các câu hỏi “Tại sao?”; “Như thế nào”?
90	Trẻ biết sử dụng lời nói để bày tỏ cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩa và kinh nghiệm của bản thân.	Trẻ biết sử dụng lời nói để bày tỏ cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩa và kinh nghiệm của bản thân. (CS68)	- Nói rõ cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩa và kinh nghiệm của mình bằng cử chỉ nét mặt. (cười, cau mày) để diễn đạt ý tưởng của bản thân. - Nói được những hậu quả khi không tuân thủ các quy định khi tham gia giao thông	- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp. - Bày tỏ tình cảm, nhu cầu, kinh nghiệm và hiểu biết của bản thân rõ ràng, dễ hiểu bằng các câu đơn, câu ghép khác nhau; - Nhận xét, đưa ra ý kiến của bản thân về sự vật hiện tượng

				khí được người lớn yêu cầu.
91	Trẻ biết sử dụng lời nói để trao đổi và chỉ dẫn bạn bè trong hoạt động	Trẻ biết sử dụng lời nói để trao đổi và chỉ dẫn bạn bè trong hoạt động. (CS69)	- Sử dụng lời nói để trò chuyện cùng với bạn và cô giáo - Trao đổi bằng lời nói để thống nhất các đề xuất trong cuộc chơi với các bạn (VD: Trao đổi để đi đến quyết định xây dựng một công viên bằng các hình khối, hoặc chuyển đổi vai chơi...)	
			- Hợp tác, chia sẻ cùng bạn về một vấn đề nào đó;	- Hợp tác trong quá trình hoạt động, các ý kiến không áp đặt hoặc dùng vũ lực bắt bạn phải thực hiện theo ý của mình; - Hướng dẫn các bạn trong trò chơi và các h/động.
92	Trẻ biết sử dụng một số từ chào hỏi và từ lễ phép cảm ơn, xin lỗi phù hợp với tình huống.	Biết cách khởi xướng cuộc trò chuyện. (CS72)	- Bắt chuyện với bạn bè hoặc người lớn bằng nhiều cách khác nhau. Cuộc trò chuyện được kéo dài và vui vẻ.	
			Nói các từ cảm ơn, xin lỗi, tạm biệt,...trong các tình huống phù hợp	- Các tình huống trò chuyện với cô và các bạn - Sử dụng ngôn ngữ để thiết lập các mối quan hệ
93	Biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở	Điều chỉnh giọng nói phù hợp với tình huống và nhu cầu giao tiếp. (CS73)	- Thái độ của bé khi người khác đang nói: Chú ý lắng nghe; không nói truyện, trả lời câu hỏi khi được hỏi,... - Cử chỉ, ánh mắt, điệu bộ của bé khi người khác nói	
			- Điều chỉnh được cường độ giọng nói phù hợp với tình huống và nhu cầu trong giao tiếp: Nói nhỏ trong giờ ngủ ở lớp, khi người khác đang tập trung làm việc, khi thăm người ốm, nói to hơn khi phát biểu ý kiến...nói nhanh hơn khi chơi trò chơi thi đua, nói chậm lại khi người khác có vấn đề chưa hiểu điều mình muốn truyền đạt	

94	Trẻ biết chờ đến lượt trong trò chuyện, không nói leo, không ngắt lời người khác	Trẻ biết chờ đến lượt trong trò chuyện, không nói leo, không ngắt lời người khác. (CS75)	- Giơ tay khi muốn nói và chờ đến lượt. - Không nói chen vào khi người khác đang nói lời người khác - Tôn trọng người nói bằng việc lắng nghe, hoặc đặt các câu hỏi, nói ý kiến của mình khi họ đã nói xong.	
95	Trẻ biết đặt câu hỏi để hỏi lại những điều người khác nói	Hỏi lại hoặc có những biểu hiện qua cử chỉ điệu bộ, nét mặt khi không hiểu người khác nói. (CS76)	- Thái độ, hành động của bé khi không hiểu người khác nói: Tiếp tục lắng nghe, ánh mắt nhìn về người nói, chăm chú, suy nghĩ... - Dùng câu hỏi để hỏi lại những điều chưa hiểu. - Thể hiện được các cử chỉ, điệu bộ... ý muốn làm rõ các sự việc mình đã hiểu hoặc chưa hiểu.	
96	Trẻ có thể sử dụng một số từ biểu thị sự lễ phép khi được nhắc nhở	Sử dụng một số từ chào hỏi và từ lễ phép phù hợp với tình huống. (CS77)	- Sử dụng một số từ trong câu xã giao đơn giản để giao tiếp với bạn bè và người lớn, như: Xin chào, tạm biệt, cảm ơn.... - Tập luyện kỹ năng chào hỏi, giao tiếp thường gặp trong hoạt động hàng ngày của bé: Nhận quà, gặp người lớn tuổi, trò chuyện với bạn,...	
97	Trẻ phân biệt được lời nói ngoan và chưa ngoan	Không nói tục, chửi bậy. (CS78)	- Không nói hoặc bắt chước lời nói tục trong bất cứ tình huống nào. - Nhận biết, ý thức nói tục, chửi bậy là chưa ngoan, không lễ phép, không lịch sự	
98	Trẻ có thể kể lại một hiện tượng, một sự kiện nào đó để người khác nghe hiểu được	Trẻ có thể kể về một sự việc, hiện tượng nào đó để người khác hiểu được (CS70)	Kể lại sự việc có nhiều tình tiết	- Kể lại sự việc theo trình tự - Nói đầy đủ tình tiết sự việc theo trình tự logic nhất định. - Miêu tả hay kể rõ ràng, mạch lạc về một sự việc, sự vật, con người mà trẻ biết hoặc nhìn

				thấy.
99	Trẻ có thể kể lại sự việc có nhiều tình tiết.	Trẻ có thể kể lại nội dung chuyện đã nghe theo trình tự nhất định. (CS71)	- Kể chuyện theo chủ đề tự chọn, kể chuyện tự do.	- Kể lại được truyện đã được nghe theo trình tự. - Kể lại sự việc về hành động, tính cách, trạng thái của nhân vật.
100	Trẻ bắt chước được giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện và đóng vai nhân vật trong chuyện	Biết kể chuyện theo tranh. (CS85)	- Tập đặt tên cho truyện được nghe - Kể chuyện theo đồ vật, đồ chơi - Kể chuyện theo tranh; Đóng kịch	
			- Kể chuyện theo kinh nghiệm	- Sắp xếp tranh theo đúng thứ tự nội dung chuyện; - Kể theo trình tự tranh liên hoàn; - “Đọc” thành một câu chuyện có bắt đầu, diễn biến và kết thúc một cách hợp lý.
101	Trẻ có thể kể lại câu chuyện quen thuộc có mở đầu, kết thúc	Kể lại câu chuyện quen thuộc theo các cách. (CS120)	- Nghe kể chuyện, hiểu và nắm rõ nội dung câu chuyện - Đặt tên mới cho câu truyện nhưng không mất đi ý nghĩa của câu truyện. - Mở đầu, tiếp tục, kết thúc câu chuyện theo các cách khác nhau nhưng không mất đi ý nghĩa câu chuyện.	
102	Trẻ có thể đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao..	Đọc biểu cảm bài thơ, đồng dao, ca dao	Đọc rõ ràng, biểu cảm phù hợp với bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè theo chủ đề	- Đọc, hiểu nội dung bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè
Làm quen với đọc và viết				

103	Trẻ thích đọc những chữ đã biết trong môi trường xung quanh.	Trẻ thích đọc những chữ đã biết trong môi trường xung quanh. (CS79)	- Đọc chữ ở các góc trong lớp; chữ trên tường; cửa lớp mà trẻ biết - Đọc chữ cái đã biết trên sách, báo, vỏ các sản phẩm, tranh ảnh mà trẻ biết	- Nhận biết và phát âm đúng những chữ cái đã học. - Chỉ và đọc cho bạn hoặc người khác những chữ cái đã học ở môi trường xung quanh, trong sách, truyện... - Tham gia vào hoạt động, nghe cô đọc sách, hỏi người lớn những chữ chưa biết.
104	Trẻ thể hiện sự thích thú với sách	Trẻ thể hiện sự thích thú với sách (CS80)	- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau - Giở sách kể theo nội dung tranh vẽ - Trẻ thích thú khi được đọc sách truyện, biết giữ gìn sách khi sử dụng. - Xem tranh dự đoán các tình huống có thể xảy ra - Tìm sách để đọc.	
105	Bước đầu có hành vi giữ gìn, bảo vệ sách.	Trẻ có hành vi giữ gìn, bảo vệ sách. (CS81)	- Giữ gìn và bảo vệ sách, + Giở cẩn thận từng trang khi xem, không quăn, vẽ bậy, xé, làm nhàu sách + Để sách đúng nơi quy định sau khi sử dụng. - Nhắc nhở hoặc không đồng tình khi bạn làm rách sách; bản khoăn khi thấy cuốn sách bị rách	
106	Trẻ có thể nhận biết ý nghĩa một số kí hiệu thông thường, biểu tượng trong cuộc sống.	Trẻ biết ý nghĩa một số kí hiệu, biểu tượng trong cuộc sống. (CS82)	- Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ...). - Nhận biết ký hiệu đồ dùng cá nhân của mình - Nhận biết một số kí hiệu đơn giản tại trường: Nhà vệ sinh cho	

			bạn trai, gái; khu vui chơi;... - Nhận biết các kí hiệu về thời tiết	
107	Trẻ phân biệt được trang mở đầu và kết thúc của sách	Trẻ có một số hành vi như người đọc sách. (CS83)	- Làm quen với cách đọc tiếng Việt: - Thể hiện cách cầm sách. - Thể hiện lời đọc theo văn của trẻ khi xem sách. - Hướng đọc: từ trái sang phải, từ trên xuống dưới. - Đọc ngắt, nghỉ sau các dấu. - Phân biệt phần mở đầu và kết thúc của sách.	
108	- Trẻ biết “Đọc” Các nội dung trong tranh	Trẻ thích “Đọc” theo truyện tranh đã biết. (CS84)	- “Đọc” truyện qua các tranh vẽ; “Đọc” thành tiếng (theo trí nhớ) có nội dung phù hợp với tranh. - Xem tranh, ảnh về ẩm thực, các lễ hội của địa phương	
109	Trẻ hiểu một số từ trong tranh, truyện khi được người lớn giải thích	Trẻ biết chữ viết có thể đọc và thay cho lời nói. (CS86)	- Các từ trong tranh, truyện	- Hiểu về nội dung tranh ảnh; - Mục đích ý nghĩa của chữ; - Dùng tranh ảnh, chữ viết, số, ký hiệu thay cho lời nói.
110	Trẻ biết dùng các kí hiệu hoặc hình vẽ để thể hiện cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của bản thân.	Trẻ biết dùng các kí hiệu hoặc hình vẽ để thể hiện cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của bản thân. (CS87)	- Vẽ tranh hoặc dùng các hành động đơn giản để diễn tả suy nghĩ, tình cảm của bản thân	
				- Thể hiện những ký hiệu của mình theo nhu cầu. - Tạo ra những biểu tượng, hình mẫu. - Sao chép các ký hiệu, chữ, từ để biểu thị cảm xúc, suy nghĩ, ý muốn, kinh nghiệm của bản thân.

111	Trẻ có thể tô, xếp các nét chữ theo hình vẽ	Trẻ thích bắt chước hành vi và sao chép từ, chữ cái. (CS88)	- Thích “Viết” Nguệch ngoạc	- Tô, đồ các nét chữ - Xếp từ, chữ cái từ nguyên vật liệu thiên nhiên: Hạt hạt, sỏi, lá cây.... - Sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên mình
112	Trẻ viết tên theo thứ tự từ trái qua phải, từ trên xuống dưới.	Trẻ biết “viết” tên của bản thân theo cách của mình. (CS89)	Cầm bút, phấn “viết” các nét nguệch ngoạc trên giấy, sân	- ”Viết” tên của mình - Nhận ra tên của mình trên các ký hiệu đồ dùng cá nhân và sao chép
113	Trẻ có thể nhận ra hướng viết của mỗi số chữ cái theo hướng dẫn	Viết tên theo thứ tự từ trái qua phải, từ trên xuống dưới. (CS90)	- Làm quen với cách viết tiếng Việt: Từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới; Hướng viết của các nét chữ - Ngồi đúng tư thế, cầm viết đúng; - Viết tô viết chữ theo yêu cầu;	
114	Trẻ có thể nhận dạng được một số chữ cái trong bảng chữ cái tiếng việt	Trẻ nhận dạng được chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt.(CS91)	- Nhận dạng được một số chữ cái	- Nhận dạng các chữ cái - Nhận biết chữ in thường, in hoa, chữ viết thường;
4. Phát triển nhận thức				
Khám phá khoa học				
115	- Trẻ nói đúng tên gọi, chức năng của các giác quan và một số bộ phận trên cơ thể	Trẻ thể hiện một số hiểu biết về chức năng của các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể con người.	- Tìm hiểu về các bộ phận của cơ thể con người + Tên gọi một số bộ phận trên cơ thể; + Các giác quan và chức năng của chúng; + Cơ thể cần gì để lớn lên và khỏe mạnh - Một số bộ phận “nhạy cảm” trên cơ thể và cách bảo vệ. - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.	

116	Trẻ phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như như kết hợp nhìn, nghe, ngửi, sờ, nếm.... để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng.	Trẻ phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét và thảo luận về sự vật, hiện tượng như sử dụng các giác quan khác nhau để xem xét lá, hoa, quả... và thảo luận về đặc điểm của đối tượng.	- Khám phá và nhận ra đặc điểm của đối tượng bằng cách sử dụng toàn bộ các giác quan - Trẻ quan sát, xem xét, phỏng đoán các sự vật và hiện tượng xung quanh. Nét giống và khác nhau của sự vật, hiện tượng.	
				- Trẻ tự khám phá, trải nghiệm và chia sẻ, bày tỏ ý kiến của mình
117	Làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán.	Làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận	- Các hoạt động thí nghiệm: Pha màu, đường, muối vào nước....	- Các hoạt động thí nghiệm: Gieo hạt, trồng cây được tưới nước và không tưới nước, theo dõi và so sánh sự phát triển
118	Trẻ biết đặc điểm, công dụng và cách sử dụng một số đồ dùng, đồ chơi.	Trẻ biết phân loại một số đồ dùng đồ chơi thông thường theo công dụng, chất liệu. (CS96)	- Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi. - So sánh sự khác nhau và giống nhau của đồ dùng, đồ chơi và sự đa dạng của chúng - Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt.	
			- Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 1-2 dấu hiệu - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt.	- So sánh sự khác nhau và giống nhau của đồ dùng, đồ chơi và sự đa dạng của chúng. - Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 2 - 3 dấu hiệu. - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt.

119	Trẻ biết tên gọi, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông quen thuộc	Trẻ có hiểu biết về phương tiện giao thông và một số quy định giao thông đơn giản.	- Nhận biết đặc điểm và công dụng của một số PTGT - Quy định khi giao thông : Nhắc nhở người lớn đội mũ bảo hiểm khi đi xe máy, đi bộ bên phải đường, không chơi đùa dưới lòng đường, không đùa nghịch khi ngồi trên tàu xe... - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.
120	Biết tên gọi, đặc điểm nổi bật của một số con vật, cây, hoa quả	Gọi tên nhóm cây cối, con vật theo đặc điểm chung. (CS92).	- Phân loại phương tiện giao thông theo 1-2 dấu hiệu. - Biết 1 số dịch vụ giao thông như taxi, xe khách... - Phân loại phương tiện giao thông theo 2 -3 dấu hiệu. - Nhận biết một số dịch vụ khi tham gia giao thông: Nơi bán vé xe, taxi, xe khách... - Nhận biết một số biển báo hiệu giao thông đường bộ (màu sắc, hình dạng, quy định) - Đặc điểm, ích lợi và tác hại của con vật, cây, hoa, quả. - So sánh sự khác nhau và giống nhau của một số con vật, cây, hoa, quả. - Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 2 - 3 dấu hiệu. - Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống. - Trải nghiệm: Thăm cánh đồng lúa - Lồng ghép TCTV.

121	Nhận ra sự thay đổi trong quá trình phát triển của cây cối và con vật.	Nhận ra sự thay đổi trong quá trình phát triển của cây, con vật và một số hiện tượng tự nhiên. (CS93)	- Quá trình phát triển của cây, con vật, điều kiện sống của một số loại cây, con vật - Hoạt động trải nghiệm: Trồng rau, gieo hạt - Sự thay đổi của một số hiện tượng tự nhiên. - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.	
122	Trẻ có ý thức giữ gìn, bảo vệ môi, trường biển đảo, tham gia bảo vệ tài nguyên rừng, môi trường biển, hải đảo.	Trẻ biết ích lợi của động vật, thực vật ở biển, ý thức giữ gìn, bảo vệ môi, trường biển đảo, tham gia bảo vệ tài nguyên rừng, môi trường biển, hải đảo.	- Tìm hiểu thức ăn giàu chất dinh dưỡng như cá tôm, các trò chơi chọn nhanh nhất những động thực vật - Khám phá trò chuyện về môi trường biển đảo Việt Nam có từ biển - Khám phá trò chuyện về tài nguyên rừng... - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.	
123	Trẻ nói được những đặc điểm nổi bật của các mùa trong năm nơi trẻ sống	Trẻ nói được những đặc điểm nổi bật của các mùa trong năm nơi trẻ đang sống. (CS94)	- Gọi tên và đặc điểm đặc trưng của 4 mùa trong năm. Một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.	+ Tìm hiểu các mùa trong năm. + Quan sát thời tiết, và dự đoán một số hiện tượng thời tiết. + Tìm hiểu sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật và cây theo mùa. - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.

124	Trẻ có thể dự đoán một số hiện tượng thời tiết đơn giản khi được hướng dẫn, gợi ý.	Dự đoán một số hiện tượng tự nhiên đơn giản sắp xảy ra. (CS95).	- Quan sát bầu trời, thời tiết - Tìm hiểu, khám phá một số hiện tượng tự nhiên: Gió, mưa, bão, lũ lụt,.. - Một số kỹ năng đơn giản để ứng phó với biến đổi khí hậu và phòng chống thiên tai - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt. - Khám phá một số hiện tượng tự nhiên (gió, mưa, bão, lũ lụt,...) giải thích được dự đoán của mình. - Sự khác nhau giữa ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.	
125	Trẻ biết đặt câu hỏi về sự vật hiện tượng xung quanh với sự gợi ý của giáo viên	Hay đặt câu hỏi (Chỉ Số 112)	- Đặt các câu hỏi: Tại sao? Vì sao?	- Tò mò, khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh như đặt câu hỏi về sự vật, hiện tượng: Tại sao có mưa?... - Khuyến khích trẻ đặt câu hỏi với cô và các bạn. - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.
126	Trẻ thích khám phá các sự vật và hiện tượng xung quanh.	Trẻ thích khám phá các sự vật và hiện tượng xung quanh.(CS113)	- Quan sát, nhận biết đặc điểm các sự vật, hiện tượng xung quanh - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt. - Làm thử nghiệm và sử dụng các công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán. Ví dụ: thí nghiệm vật chìm vật nổi, sự bay hơi của nước, sắc màu của nước.... - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.	
127	Trẻ có thể nhận xét	Trẻ giải thích được mỗi	- Quan sát, nhận xét mỗi	- Nêu được nguyên nhân dẫn

	được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật hiện tượng	quan hệ nguyên nhân, kết quả đơn giản trong cuộc sống hàng ngày (CS114)	quan hệ đơn giản của sự vật hiện tượng (thêm đường/ muối nước sẽ mặn/ ngọt) - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt.	đến hiện tượng đó - Giải thích bằng mẫu câu: “Tại vì...nên” - Nhận xét được mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng. - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt.
128	Trẻ có thể tìm ra một đối tượng không cùng nhóm	Trẻ loại được một đối tượng không cùng nhóm với các đối tượng còn lại. (CS115)	- Phân loại các nhóm đối tượng theo đặc điểm dấu hiệu. - Loại một đối tượng không cùng nhóm với các đối tượng còn lại qua hoạt động: Thí nghiệm với nam châm, vật chìm vật nổi.... - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt.	
129	Trẻ có thể: Thực hiện một số công việc đơn giản, gần gũi	Trẻ có thể thực hiện công việc theo cách riêng của mình (CS118)	- Hoàn thành, thực hiện công việc theo cách của trẻ thông qua hoạt động nhóm, cá nhân... - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt.	
130	Trẻ có thể thực hiện được một số công việc được giao mà không cần sự hướng dẫn	Trẻ thể hiện ý tưởng của bản thân qua các hoạt động. (CS119)	- Ý tưởng của bé đối với việc thực hiện các hoạt động: Vẽ tranh; xây dựng mô hình; lắp ghép; làm thí nghiệm; làm đồ chơi - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt.	
				- Khuyến khích trẻ khởi xướng và đề nghị bạn tham gia vào trò chơi. Tự sáng tạo các nội dung chơi, các trò chơi phù hợp với sở thích bản thân.

131	Trẻ có một số hiểu biết về tự nhiên.	Trẻ có một số hiểu biết về tự nhiên.	- Khám phá về một số nguồn nước và ánh sáng. - Một số đặc điểm, tính chất của nước, các nguồn nước trong môi trường sống. - Ích lợi của nước đối với đời sống con người, con vật, cây cối. - Không khí, các nguồn sáng và sự cần thiết của nó đối với cuộc sống con người, con vật và cây cối. - Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt. - Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước.
Khám phá xã hội			
132	Trẻ có thể nói đúng họ, tên, ngày sinh, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện	Trẻ có thể nói đúng họ, tên, ngày sinh, giới tính sở thích của bản thân và vị trí của trẻ trong gia đình	- Họ tên, ngày sinh, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt.
133	Trẻ biết họ tên, công việc của bố mẹ, những người thân trong gia đình và công việc của họ, một số nhu cầu của gia đình	Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính, công việc hàng ngày của các thành viên trong gia đình khi được hỏi trò chuyện, xem tranh ảnh về gia đình.	- Các thành viên trong gia đình, nghề nghiệp của bố mẹ, sở thích của các thành viên trong gia đình, quy mô gia đình (gia đình nhỏ, gia đình lớn) - Nhu cầu của gia đình - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt.

134	Trẻ nói địa chỉ gia đình mình (số nhà, đường phố/thôn, xóm), ... khi được hỏi, trò chuyện.	Trẻ nói địa chỉ gia đình mình (số nhà, đường phố/thôn, xóm), số điện thoại (nếu có) ... khi được hỏi, trò chuyện.	- Địa chỉ gia đình (thôn bản, xã...) - Địa chỉ gia đình (thôn bản, xã...), số điện thoại (nếu có) - Trải nghiệm: thăm nhà bạn (ở gần trường). - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt.
135	Trẻ biết địa chỉ của trường lớp, tên	Trẻ nói tên, địa chỉ và mô tả một số đặc điểm nổi bật của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện	- Tên gọi, địa chỉ của trường lớp; một số hoạt động trong trường, lớp; Đặc điểm nổi bật của trường, lớp mầm non. - Các khu vực trong trường; các góc trong lớp - Công việc của các cô, các bác trong trường - Đặc điểm, sở thích của các bạn, các hoạt động của trẻ ở trường - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt.
136	Trẻ biết công việc của các cô giáo và các cô bác trong trường khi được hỏi, trò chuyện	Trẻ nói được tên, công việc của cô giáo, các bạn và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.	- Trẻ nói được tên, công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện. - Tên gọi và một vài đặc điểm của các bạn - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt.
137	Nhận ra một số nơi công cộng quen thuộc qua tranh, ảnh	Trẻ có thể kể được một số địa điểm công cộng gần gũi nơi trẻ sống. (CS97)	- Kể hoặc trả lời được câu hỏi của người lớn về những điểm vui chơi công cộng/ trường học/ nơi mua sắm / khám bệnh ở nơi trẻ sống hoặc trẻ đã được đến. Và các quy định khi tham gia giao thông ở các khu vực này. Lòng ghép tăng cường tiếng Việt.
138	Trẻ có thể kể được một	Trẻ có thể kể tên một số	- Tên gọi, đặc điểm (dụng cụ, sản phẩm), ý nghĩa của nghề phổ

	số nghề phổ biến nơi trẻ sống	nghề phổ biến nơi trẻ sống. (CS98)	biển, nghề truyền thống của địa phương Quảng Đức. - Sự khác nhau của một số nghề; Ý nghĩa nghề trồng rừng. - Chơi các trò chơi một số nghề - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt.
139	Trẻ có thể kể tên một số lễ hội và nói về các hoạt động nổi bật của lễ hội đó.	Trẻ có thể kể tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội.	- Cờ tổ quốc; Trang phục dân tộc Dao - Kể tên và nói được đặc điểm nổi bật của một số ngày lễ hội (tết trung thu, tết nguyên đán, tết thiếu nhi, ngày nhà giáo Việt nam....). - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt.
140	Trẻ kể tên và nêu một vài nét đặc trưng của danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương đất nước.	Trẻ kể tên và nêu một vài nét đặc trưng của danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương đất nước.	- Tên gọi, đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam thắng cảnh quê hương, đất nước. - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt.
141	Trẻ biết một vài cảnh đẹp, di tích lịch sử, lễ hội và nét đẹp văn hoá truyền thống của xã Quảng Đức khi được trò chuyện..	Trẻ biết một vài cảnh đẹp, di tích lịch sử, lễ hội và nét đẹp văn hoá truyền thống của xã Quảng Đức.	- Tên gọi một số cảnh đẹp, di tích lịch sử của Quảng Đức: Suối tiên, Đài tưởng niệm, cửa khẩu Bắc Phong Sinh... - Tìm hiểu về lễ cấp sắc, Tết Hàn thực, xôi ba màu... - Tìm hiểu một vài nét đẹp về văn hóa truyền thống của xã Quảng Đức: Trang phục dân tộc, tiếng nói... - Trẻ có ý thức giữ gìn bản sắc dân tộc - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt.
Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán			
142	Trẻ quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật ở xung quanh, hỏi “bao	Trẻ quan tâm đến các con số, thích nói về số lượng và đếm, hỏi “bao nhiêu?”, “đây là mấy?”	- Đếm các vật ở xung quanh, hỏi “bao nhiêu?”, “đây là mấy?” - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt.

	nhiều?”, “là số mấy?”		
143	Trẻ đếm trên đối tượng trong phạm vi 10, nhận biết chữ số và số lượng và số thứ tự trong phạm vi 5 và đếm theo khả năng	Trẻ nhận biết con số phù hợp với số lượng trong phạm vi 10 (CS104)	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng - Nhận biết các chữ số, số lượng, số thứ tự trong phạm vi 10
			- Nhận biết các con số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 5. - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt. - Nhận biết các con số trong phạm vi 10. - Nhận biết số thứ tự trong phạm vi 10. - Lồng ghép TCTV
144	Trẻ biết so sánh hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10	Trẻ biết so sánh số lượng của 2,3 nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả.	- So sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn - So sánh, thêm bớt số lượng của 2-3 nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: Bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn, ít nhất, - Lồng ghép TCTV
145	Trẻ biết tách một nhóm đối tượng thành 2 nhóm nhỏ hơn và gộp 2 nhóm đối tượng có tổng trong phạm vi 5 đếm và nói kết quả	Trẻ biết tách 10 đối tượng thành 2 nhóm bằng ít nhất 2 cách và so sánh số lượng của các nhóm (Chỉ Số 105).	- Gộp hai nhóm đối tượng và đếm - Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn - Lồng ghép TCTV - Tách/gộp các nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và đếm - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.
146	Trẻ nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày	Trẻ nhận biết được các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày	Nhận biết ý nghĩa của các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, số điện thoại, biển số xe, trang sách, số thứ tự...) - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.

147	Nhận ra quy tắc sắp xếp của ít nhất 3 đối tượng và sao chép lại	Nhận ra qui tắc sắp xếp đơn giản và tiếp tục thực hiện theo qui tắc. (CS116)	- Tự xếp theo quy tắc riêng và nói ra quy tắc đó - So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.	
				- Tạo ra quy tắc sắp xếp... - Ghép thành cặp những đối tượng có mối liên quan - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.
148	Trẻ biết sử dụng dụng cụ để đo độ dài, dung tích của 2 đối tượng nói kết quả đo và so sánh	Biết cách đo độ dài và nói kết quả đo. (CS106)	- Đo độ dài một vật bằng một đơn vị đo - Đo dung tích bằng một đơn vị đo. - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.	- Đo độ dài một vật bằng các đơn vị đo khác nhau. - Đo độ dài các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo. - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.
149	Trẻ sử dụng được dụng cụ để đo độ dài, dung tích của 2 đối tượng, nói kết quả đo và so sánh	Trẻ sử dụng được một số dụng cụ để đo dung tích, so sánh và nói kết quả đo	- Đo dung tích một vật bằng các đơn vị đo khác nhau - Đo dung tích các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo. - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.	
150	Trẻ chỉ ra được hình	Trẻ chỉ ra được khối	- Nhận biết, gọi tên khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật, khối trụ và nhận dạng các khối hình đó trong thực tế. - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.	

	tròn, hình vuông, hình tam giác, hình chữ nhật theo yêu cầu.	cầu, khối vuông, khối trụ, khối chữ nhật theo yêu cầu.(CS107)	- So sánh sự khác nhau và giống nhau của các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật - Lồng ghép TCTC	- Phân biệt các khối theo đặc điểm tính chất. - Tạo ra một số hình hình học bằng các cách khác nhau.
151	Trẻ có thể xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác.	Trẻ có thể xác định vị trí (trong, ngoài, trên dưới, trước, sau, phải, trái) của một vật so với một vật khác.(CS108)	- Nhận biết phía phải - phía trái, của bản thân - Xác định vị trí của đồ vật (phía trước - phía sau; phía trên – phía dưới; phía trái – phía phải so với bản thân + Xác định vị trí của đồ vật (phía trước - phía sau; phía trên-phía dưới; phía trái – phía phải so với bạn khác, với một vật nào đó làm chuẩn. - Lồng ghép TCTV	- Xác định vị trí của đồ vật (phía trước - phía sau; phía trên – phía dưới; phía trái – phía phải so với bản thân trẻ, với bạn khác, với một vật nào đó làm chuẩn - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.
152	Nhận ra số trên tờ lịch từ thứ 2 đến thứ 5 theo hướng dẫn	Gọi tên các ngày trong tuần theo thứ tự (CS109)	- Tên các ngày trong tuần - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.	- Gọi tên các thứ trong tuần theo trình tự - Tên các ngày đi học và các ngày được nghỉ học; Một số công việc thường làm với thứ 2, thứ 3 và với thứ 7, chủ nhật.... - Lồng ghép TCTV
153	Trẻ nhận biết các buổi	Trẻ phân biệt được ngày	- Nhận biết các buổi sáng,	- Nhận biết hôm qua, hôm nay,

	trong ngày	hôm qua, ngày mai qua sự kiện hàng ngày (CS110)	trưa, chiều, tối - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.	ngày mai. - Kể được tên các sự kiện hàng ngày, sắp xếp được các sự kiện đã, đang và sẽ xảy ra theo trình tự thời gian tương ứng: Hôm qua, hôm nay, ngày mai... - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.
154	Trẻ gọi tên các ngày trong tháng, giờ trên đồng hồ theo cô giáo	Trẻ nói được ngày trên lịch và giờ trên đồng hồ. (CS111)	- Gọi tên các ngày trong tháng - Đọc giờ trên đồng hồ - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.	- Quan sát, tìm hiểu các chữ số trên lịch, và ý nghĩa của chúng. - Quan sát, tìm hiểu, gọi tên các chữ số trên đồng hồ - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.
5. Phát triển thẩm mỹ				
155	Trẻ biết bộc lộ cảm xúc vui sướng, vỗ tay làm động tác mô phỏng và sử dụng được một số từ nói lên cảm xúc của mình khi nghe âm thanh gọi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của sự vật hiện tượng	Trẻ biết tán thưởng, tự khám phá bắt chước âm thanh, dáng điệu và sử dụng các từ gọi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gọi cảm và ngắm nhìn cái đẹp của các sự vật, hiện tượng	- Bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gọi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật. - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.	Thể hiện thái độ tình cảm khi nghe âm thanh gọi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.
156	Biết chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc		- Thể hiện thái độ thích thú khi nghe và hưởng ứng cảm xúc	

	theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện		(hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp) theo bài hát, bản nhạc, nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; nghe và kể câu chuyện - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.
157	Thích thú ngắm nhìn và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình của các tác phẩm tạo hình.		- Thể hiện sự vui vẻ, thích thú khi ngắm nhìn tác phẩm tạo hình; Sử dụng những từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình về màu sắc, hình dáng, bố cục,.. - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.
158	Trẻ có thể nhận ra sắc thái vui buồn của bài hát, bản nhạc.	Trẻ có thể nhận ra giai điệu vui buồn của bài hát, bản nhạc (CS99)	- Nghe và nhận ra các thể loại âm nhạc khác nhau (nhạc cổ điển, nhạc thiếu nhi, dân ca) - Nghe và nhận ra sắc thái (Vui, buồn, tình cảm tha thiết) của các bài hát, bản nhạc + Lắng nghe âm thanh trong thiên nhiên, trong cuộc sống. - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt. + Nghe các bài hát, bản nhạc có tiết tấu, giai điệu, tính chất khác nhau. + Phân biệt các bài hát, bản nhạc theo tính chất, giai điệu (vui, buồn, nhanh, chậm....) qua các trò chơi âm nhạc
159	Trẻ có thể hát đúng giai điệu, bài hát trẻ em theo hướng dẫn	Hát đúng giai điệu, bài hát trẻ em.(CS100)	- Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái tình cảm của bài hát. - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.

				- Thể hiện sắc thái, tình cảm phù hợp với bài hát - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.
160	Trẻ có thể thể hiện cảm xúc và vận động, phù hợp với nhịp điệu của bài hát hoặc bản nhạc.	Thể hiện cảm xúc và vận động phù hợp với nhịp điệu của bài hát hoặc bản nhạc.(CS101)	- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu và thể hiện sắc thái phù hợp với các bài hát, bản nhạc - Vận động minh họa (múa, nhảy, ...) phù hợp với nhịp điệu của bài hát, bản nhạc. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo nhịp, tiết tấu (nhANH, chậm) - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.	
				Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo tiết tấu phối hợp
161	Trẻ biết sử dụng phối hợp các các kỹ năng và các nguyên liệu để tạo ra sản phẩm	Biết sử dụng các vật liệu khác nhau để làm một sản phẩm đơn giản (CS102)	- Lựa chọn, phối hợp các dụng cụ, nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên, phế liệu để tạo ra các sản phẩm đơn giản, theo ý thích. + Làm đồ chơi từ các nguyên vật liệu phế thải: Bìa, hộp sữa, lõi giấy... + Làm đồ chơi từ các nguyên vật liệu thiên nhiên: Hạt đậu, hạt lạc, lá cây... - Lồng ghép giáo dục an toàn giao thông - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.	
162	Trẻ biết cắt, xé theo đường thẳng, đường cong... dán thành sản phẩm có màu sắc hài	Trẻ có khả năng phối hợp các kỹ năng vẽ, cắt, xé dán, nặn, xếp hình để tạo thành bức tranh có	- Sử dụng kỹ năng cắt, xé theo đường thẳng, đường cong... dán thành sản phẩm có màu sắc hài hòa, bố cục:	- Phối hợp các kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét và

	hòa, bố cục.	màu sắc hài hòa, bố cục cân đối	Bộ trang phục màu hè của bé, các con vật đáng yêu....	bố cục - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.
163	Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng.	Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc hình dáng, bố cục	- Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/đường nét, bố cục - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.	
164	Trẻ biết lựa chọn và tự thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc	Trẻ có thể tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, hát theo các bản nhạc, bài hát yêu thích	- Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra các âm thanh, vận động theo các bản nhạc, bài hát yêu thích (Vỗ tay, lắc mông, đánh vai, lắc lư đầu, sử dụng dụng cụ âm nhạc) - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.	
165	Trẻ biết lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát	Trẻ biết gõ đệm bằng dụng cụ theo tiết tấu tự chọn	- Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu. - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.	
166	- Trẻ biết phân biệt âm sắc của một số dụng cụ âm nhạc quen thuộc		- Lắng nghe và phân biệt âm sắc của một số dụng cụ âm nhạc quen thuộc - Nghe và nhận ra dụng cụ dân tộc của địa phương - Lồng ghép tăng cường tiếng Việt.	
167	Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, bố cục đường	Trẻ nói được ý tưởng thể hiện trong sản phẩm	- Nhận xét sản phẩm tạo hình của bản thân và của bạn về: màu sắc, hình dáng/ đường nét và bố cục	

	nét	tạo hình của mình. (CS103)		- Nói lên ý tưởng tạo hình của mình: Chất liệu, bố cục, màu sắc, tên gọi,... - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt.
168	Trẻ biết nói lên ý tưởng và đặt tên sản phẩm theo ý tưởng của trẻ	Đặt tên mới cho đồ vật, câu chuyện, đặt lời mới cho bài hát (CS117)	- Đặt tên cho sản phẩm tạo hình của mình	- Tự nghĩ ra tên cho bài hát, bản nhạc khi được nghe nhiều lần - Đặt lời theo giai điệu bài hát, bản nhạc, câu chuyện, đồ vật quen thuộc (một câu hoặc một đoạn),.. - Lòng ghép tăng cường tiếng Việt
			- Trả lời câu hỏi của cô về quá trình tạo ra sản phẩm của mình và đặt tên sản phẩm theo ý tưởng	

III. DỰ KIẾN CÁC CHỦ ĐỀ, THỜI GIAN THỰC HIỆN

Stt	Chủ đề	Sự kiện	Số tuần	Thời gian thực hiện
1	Trường Mầm non của bé	Ngày hội đến trường, Tết trung thu	4 tuần	Từ 08/09/2025 đến 03/10/2025
2	Bản Thân	Ngày 20/10	4 tuần	Từ 06/10/2025 đến 31/10/2025
3	Gia đình	Ngày hội 20/11	4 tuần	Từ 03/11/2025 đến 28/11/2025
4	Bé yêu thích nghề nào?	Ngày 22/12	4 tuần	Từ 01/12/2025 đến 26/12/2025
5	Thế giới động vật trong mắt bé		3 tuần	Từ 29/12/2025 đến 16/01/2026
6	Thế giới thực vật trong mắt bé	Tết Nguyên đán	4 tuần	Từ 19/01/2026 đến 13/02/2026
	<i>(Nghỉ tết Nguyên Đán từ ngày 16/02/2026 đến hết ngày 28/02/2026)</i>			
7	Phương tiện và luật lệ giao thông	Ngày 8/3	3 tuần	Từ 02/03/2026 đến 20/03/2026
8	Nước và các hiện tượng tự nhiên	Tết Hàn thực (Lễ hội xôi ba màu)	4 tuần	Từ 23/03/2026 đến 17/04/2026
9	Quê hương - Đất nước	Giỗ tổ Hùng Vương Giải phóng Miền Nam 30/4	3 tuần	Từ 20/04/2026 đến 08/05/2026
10	Bác Hồ với thiếu nhi	Sinh nhật Bác, tết thiếu nhi 1/6	2 tuần	Từ 11/05/2026 đến 22/05/2026
			35 tuần	

HIỆU TRƯỞNG



Lương Tố Trinh